

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/DS - ST

Ngày: 13 - 4 - 2021

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Mỹ

2. Bà Chung Kim Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ưng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và ngày 13 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần N

Trụ sở: đường T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP N.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đặng Ngọc H – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP N – chi nhánh Kiên Giang. (Theo Giấy uỷ quyền số 407/UQ-VCB-PC ngày 10/8/2018)

Người nhận uỷ quyền lại: Ông Trần Hà G – Chức vụ: Phó phòng khách hàng bán lẻ Ngân hàng TMCP N – chi nhánh Kiên Giang. (Theo Giấy uỷ quyền ngày 16/3/2021) (có mặt)

Địa chỉ chi nhánh: đường 3 tháng 2, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1982 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 25 đường N, phường 1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần N trình bày:

Ông Nguyễn Văn D có vay vốn tại ngân hàng TMCP N, chi nhánh tỉnh Kiên Giang, chi tiết khoản vay như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 0772/15/TD03/RG ngày 01/9/2015: Số tiền vay 70.000.000 đồng; lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 11,5%; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay: mua sắm các thiết bị gia đình; thời hạn vay 36 tháng.

Dư nợ tạm tính đến ngày 07/4/2021 là: 45.752.276 đồng; trong đó nợ gốc: 28.200.000 đồng, nợ lãi: 17.552.276 đồng (lãi trong hạn: 12.457.138 đồng; lãi quá hạn: 5.095.138 đồng).

2. Thẻ tín dụng quốc tế (Vietcombank visa) loại hình thẻ cá nhân, tài khoản số V0900490, hạn mức tín dụng 30.000.000 đồng; ngày xác lập yêu cầu phát hành thẻ là 13/7/2012, hiệu lực đến tháng 7/2014; đã ký thông báo gia hạn thẻ tín dụng ngày 04/7/2014.

Dư nợ tạm tính đến ngày 20/3/2021 là: 199.835.887 đồng; trong đó nợ gốc: 29.641.129 đồng, nợ lãi: 21.234.360 đồng; phí rút tiền mặt 260.000 đồng; phí chậm thanh toán 115.728.905 đồng; phí vượt hạn mức 32.971.493 đồng.

Biện pháp bảo đảm nợ vay: Không có tài sản bảo đảm.

Tính đến nay các khoản nợ nêu trên đã chuyển sang nợ quá hạn, ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở và tạo điều kiện cho ông D trả nợ nhưng đến nay ông D vẫn không thanh toán nợ cho ngân hàng.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông D phải trả số nợ tạm tính của 02 hợp đồng nêu trên là 245.588.163 đồng và lãi phát sinh đối với Hợp đồng tín dụng số 0772/15/TD03/RG kể từ ngày 08/4/2021; lãi và các loại phí phát sinh của thẻ tín dụng tài khoản số V0900490 kể từ ngày 21/3/2021 cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ cho ngân hàng.

Tại phiên tòa, ông Trần Hà G - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP N. Ngân hàng xác định chỉ khởi kiện cá nhân ông Nguyễn Văn D chịu trách nhiệm trả nợ, không yêu cầu gì đối với bên bảo lãnh cho ông D sử dụng thẻ tín dụng là Công ty cổ phần xăng dầu đầu khí K vì công ty này đã không còn hoạt động.

Theo Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 26/01/2021 do Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long thực hiện theo Quyết định uỷ thác thu thập chứng cứ của Toà án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, bị đơn là ông Nguyễn Văn D trình bày:

Đối với hợp đồng tín dụng số 0772/15/TD03/RG ngày 01/9/2015: Ông xác nhận ký kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện và thống nhất theo lời trình bày của ngân hàng về nội dung hợp đồng, số tiền vay 70.000.000 đồng, lãi suất vay, mục đích vay. Sau khi vay tiền ông đã trả nợ gốc được tổng cộng là 41.800.000 đồng, trả lãi được 10.201.397 đồng; từ ngày 01/01/2019 đến nay ông không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng. Ông xác định nợ gốc hiện tại là 28.200.000 đồng và có yêu cầu được trả lãi suất trên dư nợ gốc theo mức lãi suất Nhà nước quy định 1,66%/tháng kể từ ngày 01/01/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Đối với thẻ tín dụng quốc tế (Vietcombank visa) tài khoản số V0900490: Ông xác định thẻ tín dụng này được cấp cho ông là chủ thẻ chính với số tiền vay 30.000.000 đồng được Công ty cổ phần xăng dầu dầu khí K bảo lãnh; không có tài sản bảo đảm nợ vay. Thẻ tín dụng này được dùng vào việc tiếp khách cho công ty, ông không đồng ý trả nợ lãi và gốc theo yêu cầu khởi kiện của ngân hàng vì đây là trách nhiệm của Công ty cổ phần xăng dầu dầu khí K.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng tại giai đoạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, nợ lãi và các khoản phí phát sinh, đồng thời tiếp tục chịu lãi theo thoả thuận tại hợp đồng đã giao kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Ngân hàng TMCP N tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Văn D, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ

luật tố tụng dân sự. Đồng thời nguyên đơn yêu cầu Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, **điểm g khoản 1 Điều 40** của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D có ý kiến bằng văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Nội dung vụ án:

Căn cứ lời khai thống nhất của nguyên đơn và bị đơn có đủ cơ sở xác định ông Nguyễn Văn D có vay vốn tại ngân hàng TMCP N, chi nhánh tỉnh Kiên Giang, hình thức vay không có tài sản bảo đảm, áp dụng cho đối tượng khách hàng là cán bộ nhân viên có trả lương qua tài khoản mở tại ngân hàng; chi tiết khoản vay như sau:

Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 0772/15/TD03/RG ngày 01/9/2015: Số tiền vay 70.000.000 đồng; lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 11,5%; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay: mua sắm các thiết bị gia đình; thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày bên vay rút vốn lần đầu; bên vay phải trả nợ gốc và lãi theo định kỳ hàng tháng; nợ gốc mỗi tháng trả 1.900.000 đồng vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 05/10/2015, lần cuối trả gốc là ngày 01/9/2018 với số tiền 3.500.000 đồng. Căn cứ Giấy nhận nợ số 01 và uỷ nhiệm chi cùng ngày 01/9/2015 xác định ông D nhận nợ với số tiền là 70.000.000 đồng.

Thẻ tín dụng quốc tế (Vietcombank visa) loại hình thẻ cá nhân, chủ thẻ chính là Nguyễn Văn D, tài khoản số V0900490, hạn mức tín dụng 30.000.000 đồng; ngày xác lập yêu cầu phát hành thẻ là ngày 13/7/2012 hiệu lực đến tháng 7/2014; đã ký thông báo gia hạn thẻ tín dụng ngày 04/7/2014; do công ty cổ phần Xăng dầu dầu khí K xác nhận bảo lãnh. Lãi thẻ tín dụng tính đến tháng 7/2015 là 20%/năm, từ tháng 8/2015 đến tháng 3/2017 là 17%/năm, từ tháng 4/2017 đến nay là 18%/năm; phí chậm thanh toán là 3%/số tiền chậm thanh toán; phí vượt hạn mức thẻ: từ 01 đến 05 ngày là 8%/năm/số tiền vượt quá hạn mức, từ 06 đến 15 ngày là 10%/năm/số tiền vượt quá hạn mức, từ 16 ngày trở lên là 15%/năm/số tiền vượt quá hạn mức.

Xét thấy các hợp đồng tín dụng nêu trên đã được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện và thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật; do đó căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự 2005, Điều 13, 14, 15, 16 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 quy định về hoạt động thẻ ngân hàng, Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng tín dụng và hợp

đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng nêu trên giữa ngân hàng TMCP N, chi nhánh tỉnh Kiên Giang và ông Nguyễn Văn D là hợp pháp.

- Đối với Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 0772/15/TD03/RG ngày 01/9/2015: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay ông Nguyễn Văn D chỉ trả nợ gốc được tổng cộng là 41.800.000 đồng. Về việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ này được bị đơn thừa nhận tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 26/01/2021; do đó có đủ cơ sở xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay được quy định tại khoản 7.2.6 Điều 7 của hợp đồng tín dụng; thời điểm bắt đầu phát sinh dư nợ gốc quá hạn, lãi trong hạn và lãi quá hạn một cách liên tục là từ ngày 07/8/2017 cho đến nay.

Dư nợ tạm tính đến ngày 07/4/2021 là: 45.752.276 đồng; trong đó nợ gốc: 28.200.000 đồng, nợ lãi: 17.552.276 đồng (lãi trong hạn: 12.457.138 đồng; lãi quá hạn: 5.095.138 đồng).

- Đối với Thẻ tín dụng quốc tế (Vietcombank visa) loại hình thẻ cá nhân, chủ thẻ chính là Nguyễn Văn D, tài khoản số V0900490: Căn cứ Bảng kê chi tiết sao kê thẻ tín dụng visa xác định ông D đã sử dụng hết số tiền trong hạn mức được cấp và phát sinh nợ gốc 29.641.129 đồng và nợ lãi một cách liên tục từ thời điểm 20/4/2017; đối với phí chậm thanh toán phát sinh nợ một cách liên tục là từ thời điểm 20/7/2017; phí vượt hạn mức thì từ thời điểm 20/8/2017. Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 26/01/2021 ông D cũng thừa nhận việc sử dụng thẻ và đến nay chưa thanh toán nợ cho ngân hàng, do đó có đủ cơ sở xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ của chủ thẻ được quy định tại mục n, p khoản 2.2 Điều 2 của thoả thuận về phát hành thẻ tín dụng quốc tế.

Dư nợ tạm tính đến ngày 20/3/2021 là: 199.835.887 đồng; trong đó nợ gốc: 29.641.129 đồng, nợ lãi: 21.234.360 đồng; phí rút tiền mặt 260.000 đồng; phí chậm thanh toán 115.728.905 đồng; phí vượt hạn mức 32.971.493 đồng.

Căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức, tín dụng năm 2010 quy định về việc thỏa thuận lãi suất trong hoạt động kinh doanh tín dụng; khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 13, khoản 5 Điều 14, Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 thì buộc ông D phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nợ vay gốc và lãi của hợp đồng cho vay và thẻ tín dụng, cùng các khoản phí phát sinh của thẻ tín dụng cho ngân hàng là có căn cứ pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, trong thảo luận nghị án Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số nợ vay gốc, lãi tạm tính và các khoản phí phát sinh của 02 hợp đồng tổng cộng là 245.588.163 đồng, đồng thời tiếp tục chịu lãi phát sinh đối với Hợp đồng tín dụng số 0772/15/TD03/RG kể từ ngày 08/4/2021 và lãi, các khoản phí phát sinh của thẻ tín dụng tài khoản số V0900490 kể từ ngày 21/3/2021 cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ cho ngân hàng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bị đơn ông D phải chịu án phí trên số tiền bị buộc trả 245.588.163 đồng, án phí được xác định là 12.279.408 đồng.

Nguyên đơn ngân hàng TMCP N được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.635.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004501 ngày 16/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, a khoản 1 Điều 35, **điểm g khoản 1 Điều 40**, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức, tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Điều 13, khoản 5 Điều 14, Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; các Điều 5, 13, 14, 15, 16 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng thương mại cổ phần N về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn ông Nguyễn Văn D.

2. Buộc ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng hàng thương mại cổ phần N số tiền vay gốc và lãi tạm tính là 245.588.163 đồng (hai trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm tám mươi tám nghìn một trăm sáu mươi ba đồng), đồng thời tiếp tục chịu lãi phát sinh đối với Hợp đồng tín dụng số 0772/15/TD03/RG kể từ ngày 08/4/2021 và lãi, các khoản phí phát sinh của thẻ tín dụng tài khoản số V0900490 kể từ ngày 21/3/2021, cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ cho ngân hàng.

Hai bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc ông Nguyễn Văn D phải chịu án phí là 12.279.408 đồng (mười hai triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm lẻ tám đồng).

Nguyên đơn ngân hàng thương mại cổ phần N được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.635.000 đồng (ba triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số số 0004501 ngày 16/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; đương sự có mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Rạch Giá;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.Rạch Giá;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hoàng Hồng Thắm